

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HOÁ CHẤT
ĐỨC GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 4 NĂM 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
Hàng cân đối kế toán	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003850 ngày 05 tháng 03 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 7 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi do thay đổi vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	66.703.010.000	19,91%
Cổ đông khác	268.290.650.000	80,09%
Cộng	334.993.660.000	100,00%

Vốn pháp định 6.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên,
thành phố Hà Nội.
Điện thoại : 043 827 1620
Fax : 043 827 1068
E-mail : ducgiangchemco@hn.vnn.vn
Mã số thuế : 0101452588

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Bình Dương Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	Khu công nghiệp Đồng An, xã Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Hoạt động chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê nhà xưởng;
- Sản xuất và buôn bán các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chung cất từ chúng, các chất chứa bít tum, các loại sáp khoáng chất;
- Sản xuất, buôn bán máy móc, thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí;
- Sản xuất và buôn bán các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo, phân bón, sắt, thép, kim loại màu;
- Sản xuất và buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);

- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính quý 4 đính kèm báo cáo này (từ trang 5 đến trang 33).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty không định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính quý 4.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch	27 tháng 03 năm 2010	
Ông Đào Việt Hưng	Thành viên	27 tháng 03 năm 2010	
Ông Lưu Bạch Đạt	Thành viên	27 tháng 03 năm 2010	
Bà Phan Thị Nhung	Thành viên	27 tháng 03 năm 2010	
Ông Lại Cao Hiến	Thành viên	27 tháng 03 năm 2010	29 tháng 03 năm 2014
Ông Vũ Nhất Tâm	Thành viên	29 tháng 03 năm 2014	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Vũ Văn Ngo	Trưởng ban	27 tháng 03 năm 2010	
Vũ Minh Thuyết	Thành viên	27 tháng 03 năm 2010	
Nguyễn Tiến Khang	Thành viên	23 tháng 03 năm 2013	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Hữu Huyền	Tổng Giám đốc	09 tháng 5 năm 2007	
Ông Đào Việt Hưng	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 3 năm 2010	
Ông Đào Hữu Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc	23 tháng 3 năm 2013	

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính quý 4 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được miễn trừ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính quý 4 đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

~~Tổng Giám đốc~~



Đào Hữu Huyền

Ngày 15 tháng 1 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Quý 4 năm 2014
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		152.788.050,906	353.895.996,399
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	3.572.562,110	2.316.753,241
1. Tiền	111		3.572.562,110	2.316.753,241
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Phải thu ngắn hạn	130		101.170.693,437	316.790.733,859
1. Phải thu khách hàng	131	2	17.168.034,881	7.500.351,669
2. Trả trước cho người bán	132	3	1.195.194,428	1.748.029,490
5. Các khoản phải thu khác	135	4	83.307.981,839	307.999.128,380
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	5	(500,517,711)	(456.775,680)
IV. Hàng tồn kho	140		42.220.650,603	34.496.738,487
1. Hàng tồn kho	141	6	42.220.650,603	34.496.738,487
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.824.144,756	291.770,812
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.625.101,292	22.458,562
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	199.043,464	269.312,250
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		357.133.182,465	227.070.717,705
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.273.883,819	18.129.059,859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	16.273.883,819	18.129.059,859
- Nguyên giá	222		77.868.419,387	75.960.997,977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.594.535,568)	(57.831.938,118)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		270.612,854	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	340.281.940,000	208.279.020,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	9.1	286.211.940,000	154.209.020,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9.2	54.070.000,000	54.070.000,000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	9.3	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		306.745,792	662.637,846
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	274.995,792	630.887,846
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	11	31.750,000	31.750,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		509.921.233,371	580.966.714,104

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Quý 4 năm 2014
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		75.682.314.847	39.866.579.654
I. Nợ ngắn hạn	310		75.682.314.847	39.866.579.654
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	12	44.861.691.972	12.012.054.921
3. Người mua trả tiền trước	313	13	1.558.398.575	3.189.876.403
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	7.272.018.355	5.086.412.700
5. Phải trả công nhân viên	315		7.056.600.702	8.654.165.714
6. Chi phí phải trả	316	15	62.140.218	(4.000.000)
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	675.200.623	706.399.937
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		14.196.264.402	10.221.669.979
12. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		434.238.918.524	541.100.134.450
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	17	434.238.918.524	541.100.134.450
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		334.993.660.000	334.993.660.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.072.000.000	1.072.000.000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(2.630.000)	(2.630.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		43.010.088.294	35.511.821.195
8. Quỹ Dự phòng tài chính	418		26.596.043.953	19.097.776.854
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		28.569.756.277	150.427.506.401
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		509.921.233.371	580.966.714.104



Đào Hữu Huyền
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 1 năm 2015

Đào Thị Mai
Kế toán trưởng

Hoàng Thuý Hà
Lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 4 năm 2014

MÃ số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2014	Quý 4 năm 2013	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	114.833.760.892	79.796.364.903	376.769.828.451	302.399.836.064
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	665.440	96.320.315	3.333.900	164.164.912
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	114.833.095.452	79.700.044.588	376.766.494.551	302.235.671.152
11	4. Giá vốn hàng bán	91.101.803.661	71.178.041.233	307.192.164.044	256.883.279.383
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	23.731.291.791	8.522.003.355	69.574.330.507	45.352.391.769
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.656.051.152	113.574.017	3.128.514.159	137.136.500.692
22	7. Chi phí tài chính	237.829.698	57.048.266	616.484.444	7.571.111.676
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	95.211.917	-	208.107.045	55.317.923
24	8. Chi phí bán hàng	7.492.520.891	7.706.767.349	25.889.117.386	22.746.729.334
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.628.009.382	5.566.282.493	10.521.391.111	11.074.350.046
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22) - (24 + 25)	15.028.982.952	-4.694.520.736	35.975.851.725	141.096.701.405
31	11. Thu nhập khác	233.454.545	15.254.039.757	291.466.065	15.285.244.461
32	12. Chi phí khác	-	1.673.315	68.069.913	1.315.043.481
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	233.454.545	15.252.366.442	226.376.152	13.970.200.980
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	15.262.437.497	10.557.845.706	36.202.227.877	155.066.902.385
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.357.736.249	2.639.461.427	8.094.636.025	5.101.560.409
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51) - (52)	11.904.701.248	7.918.384.280	28.107.591.852	149.965.341.976
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	355	360	839	5.404



Tổng giám đốc
Đào Hữu Huyền
Hà Nội, ngày 15 tháng 1 năm 2015

(Signature)
- Kế toán trưởng
Đào Thị Mai

(Signature)
Người lập báo cáo
Hoàng Thủy Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 4 năm 2014

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.202.227.877	155.066.902.385
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		4.579.330.229	4.577.166.905
- Các khoản dự phòng	03		43.742.031	237.499.049
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		572.560.026	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.189.556.633)	(130.277.605.440)
- Chi phí lãi vay	06		208.107.045	55.517.923
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		39.416.410.576	29.659.480.822
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		78.041.004.447	(169.304.382.235)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(7.723.912.116)	16.930.695.965
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		28.944.958.154	(5.744.233.630)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		355.892.054	(218.420.055)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(208.107.045)	(55.517.923)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.198.453.409)	(4.960.255.739)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.100.137.529)	(2.493.770.661)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		127.527.655.132	(136.186.403.456)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.784.670.182)	(5.152.241.070)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản khác	22		294.154.545	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	11.523.978.952
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.189.556.633	130.277.605.440
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(300.959.004)	130.649.343.322
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(1.990.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		40.847.652.599	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(40.847.652.599)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(125.970.887.259)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(125.970.887.259)	(1.990.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.268.219.775	(5.539.050.134)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.316.753.241	7.855.803.375
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		3.572.562.110	2.316.753.241



Đào Hữu Huyền
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 1 năm 2015

Đào Thị Mai
Kế toán trưởng

Hoàng Thuý Hà
Lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất
3. Ngành nghề kinh doanh :
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Cho thuê nhà xưởng;
 - Sản xuất và buôn bán các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chung cất từ chúng;
 - Sản xuất và buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất;
4. Nhân viên
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 Công ty có 261 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 248 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính quý 3.
3. Hình thức kế toán áp dụng
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cao năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	2 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6
Tài sản cố định khác	3

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 41, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BAO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa lớn tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang – Chi nhánh Bình Dương, các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm kể từ ngày đưa vào sử dụng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê là 20 năm qui định trên hợp đồng thuê đất.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{7}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước ngày kết thúc năm tài chính cho 1 năm làm việc và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phân ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị đúng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thành, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty là các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

18. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 4**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	203.023.210	497.072.957
Tiền gửi ngân hàng	3.369.538.900	1.819.680.284
Cộng	<u>3.572.562.110</u>	<u>2.316.753.241</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
SUN SHINE INTERNATIONNAL PVT LTD	4.961.580.080	-
SANJAY CHEMICALS	1.589.064.826	-
Công ty TNHH FrieslandCampina Hà Nam	1.908.406.500	1.966.497.500
KETUL CHEM PVT. LTD	1.059.376.550	-
SANDEEP ORGANICS	3.153.144.355	-
RNANDLAL AND SONS	1.042.386.549	-
Texpe	1.039.388.314	-
JAYDIP AGENCIES	725.050.627	2.510.941.104
CN Công ty dầu TV Cái Lân	473.473.000	225.725.500
Doanh nghiệp tư nhân Hưng Thái	280.294.078	280.294.078
Công ty Cổ Phần Ác Quy Tia Sáng	113.960.056	254.745.041
SARAF CHEMICALS	-	999.428.774
JFE SHOSI TRADE CORPORATION	-	252.432.000
Đối tượng khác	821.929.946	1.010.287.672
Cộng	<u>17.168.034.881</u>	<u>7.500.351.669</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Sản xuất Xuất khẩu Dầu điều Cát Lợi	-	1.336.500.000
Liên đoàn địa chất Xạ - Hiếm	500.000.000	-
Công ty TNHH cơ điện Đại Dương	150.000.000	-
Trung tâm kiểm định và công nghệ địa chất	124.740.000	-
Liên đoàn địa chất Tây Bắc	-	149.000.000
Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng mô	99.600.000	-
Công ty xăng dầu KVI	64.085.789	-
Công ty TNHH Đại Long	108.000.000	108.000.000
Đối tượng khác	148.768.639	154.529.490
Cộng	<u>1.195.194.428</u>	<u>1.748.029.490</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP hoá chất Đức Giang - Lào Cai	212.382.499	267.394.058.552
Công ty cổ phần hóa chất phân bón Lào Cai ⁽¹⁾	65.007.804.669	24.104.478.576
Công ty CP Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ ⁽²⁾	11.940.616.051	-
Đối tượng khác	147.178.620	500.591.252
Cộng	<u>83.307.981.839</u>	<u>307.999.128.380</u>

⁽¹⁾ Đây là khoản cho Công ty CP Hóa chất Phân bón Lào Cai vay để phục vụ đầu tư sản xuất kinh doanh với lãi suất 5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

⁽¹⁾ Đây là khoản cho Công ty CP Hóa chất Đức Giang Đình Vũ vay để phục vụ đầu tư sản xuất kinh doanh với lãi suất 5%/năm.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	10.320.965	83.552.665
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	340.537.791	223.564.060
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	149.658.955	149.658.955
Cộng	<u>500.517.711</u>	<u>456.775.680</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	(456.775.680)
Trích lập dự phòng bổ sung	(43.742.031)
Số cuối kỳ	<u>(500.517.711)</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	17.112.062.492	16.600.765.204
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	297.232.248	69.930.608
Thành phẩm	24.811.355.863	17.826.042.675
Cộng	<u>42.220.650.603</u>	<u>34.496.738.487</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	189.043.464	259.312.250
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Cộng	<u>199.043.464</u>	<u>269.312.250</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.212.865.330	45.871.412.774	14.754.278.331	122.441.543	75.960.997.977
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	-	497.379.000	2.060.018.455	227.272.727	2.784.670.183
Giảm trong kỳ do thanh lý, nhượng bán	-	(370.480.850)	(506.767.922)	-	(877.248.772)
Số cuối kỳ	<u>15.212.865.330</u>	<u>45.998.310.924</u>	<u>16.307.528.864</u>	<u>349.714.269</u>	<u>77.868.419.387</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.516.561.310	32.826.995.558	868.775.922	62.048.542	43.274.381.332

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.537.622.549	40.149.414.285	6.052.627.492	92.273.792	57.831.938.118
Tăng trong kỳ do khấu hao	508.082.863	1.710.855.589	2.270.816.333	89.575.445	4.579.330.230
Giảm trong kỳ do thanh lý, nhượng bán	-	(309.964.858)	(506.767.922)	-	(816.732.780)
Số cuối kỳ	11.918.684.696	41.550.305.015	7.816.675.904	181.849.236	61.594.535.568
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.675.242.781	5.721.998.489	8.701.650.839	30.167.750	18.129.059.859
Số cuối kỳ	3.167.159.918	4.448.005.909	8.490.852.960	167.865.033	16.273.883.819

9. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Hòa chất Đức Giang Lào Cai	28.621.194	286.211.940.000	15.420.902	154.209.020.000
Cộng		286.211.940.000		154.209.020.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300299830 thay đổi lần 3 ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hòa chất Đức Giang Lào Cai 154.209.020.000 VND, tương đương với 61,68% vốn điều lệ. Trong năm công ty đầu tư thêm 132.002.920.000 VND, Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 286.211.940.000 VND, tương đương 61,68% vốn điều lệ.

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Hòa chất Phân bón Lào Cai ⁽ⁱ⁾	4.807.000	48.070.000.000	4.807.000	48.070.000.000
Công ty Cổ phần Hòa chất Đức Giang Đình Vũ ⁽ⁱⁱ⁾	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
Cộng		54.070.000.000		54.070.000.000

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5300582654 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hòa Chất Phân bón Lào Cai 48.070.000.000 VND, tương đương 24,04 % vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 48.070.000.000 VND, tương đương 24,04 % vốn điều lệ.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 022051000132 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 26 tháng 7 năm 2013, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hòa chất Đức Giang - Đình Vũ 6.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
--	------------	-------------------------------	---------------------------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí thuê đất	343.731.791	-	68.736.000	274.995.792
Công cụ dụng cụ	287.156.055	-	287.156.055	-
Cộng	630.887.846	-	355.892.054	274.995.792

12. Tài sản dài hạn khác
Là khoản đặt cọc bình ô xy

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Hoá chất Đức Giang - Lào Cai	37.160.795.683	4.968.187.256
PT MANH INDONESIA	497.340.255	1.251.642.000
Công ty CP TATICO Việt Nam	1.436.445.000	737.390.500
Công ty CP Vận tải Xuyên Đại Dương	20.000.000	265.164.865
Công ty Điện Lực Gia Lâm	353.689.504	263.318.880
GUANGZHOU MEIYI FLAVOURS & FRAGRANCES CO.,LTD	323.579.220	312.384.600
Chi nhánh DNTN Sản xuất Hoàng Nguyễn	311.592.145	233.807.274
Công ty Thương mại và Bảo hi Sài Gòn - TNHH	937.510.273	166.232.681
Công ty TNHH Văn Minh	498.019.554	1.238.223.700
GIVAUDAN SINGAPORE PTE LTD	730.443.527	-
Công ty CP nhựa Thăng Long	257.393.400	-
Đối tượng khác	2.334.883.411	2.575.703.165
Cộng	44.861.691.972	12.012.054.921

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
SAMBATH DARA	-	227.951.887
LENGCHIN GROUPCO LTD	68.413.184	-
Công ty CP Thương Mại Tuấn Cường	-	893.338.967
Công ty TNHH TM và Truyền Thông Hà Việt	-	477.500.000
DARAROTH IMPORT EXPORT	62.824.020	354.564.200
Phùng Văn Đức	723.041.134	-
UMESH TECHNO	174.913.669	-
Đối tượng khác	529.206.368	1.236.521.349
Cộng	1.558.398.575	3.189.876.403

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	277.082.061	-	277.082.061	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.491.060.698	6.491.060.698	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	459.841.349	459.841.349	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.294.093.884	8.094.636.025	5.198.453.409	7.190.276.500
Thuế thu nhập cá nhân	515.236.755	5.513.544.883	5.947.039.783	81.741.855
Tiền thuê đất	-	1.566.659.388	1.566.659.388	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	5.086.412.700	22.129.742.343	19.944.136.688	7.272.018.355

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cáo năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.202.227.877	155.066.902.385
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	591.572.236	730.477.802
- Các khoản điều chỉnh tăng	591.572.236	730.477.802
<i>Chi phí về máy bay không có cường vé</i>	<i>120.894.866</i>	-
<i>Chi phí phát hành chính</i>	-	<i>185.389.046</i>
<i>Khoản chi không có chứng từ hợp lệ</i>	<i>98.677.370</i>	<i>271.088.756</i>
<i>Thu lao Hôi đóng quân trị không trực tiếp tham gia điều hành</i>	<i>372.000.000</i>	<i>274.000.000</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm		<i>135.391.138.552</i>
Thu nhập chịu thuế	36.793.800.113	20.406.241.635
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	36.793.800.113	20.406.241.635
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	8.094.636.025	5.101.560.409

*Tiền thuế đất*Công ty phải nộp tiền thuế đất đối với diện tích 54.312m² và 1.739,8m² đất đang sử dụng với mức thuế lần lượt là 1.447.811.000VND/năm và 17.618.000VND/năm theo quy định tại thông báo số 817/TB-CCT-LPTB&TK ngày 14 tháng 11 năm 2012.*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê kho	-	(4.000.000)
Chi phí lãi vay phải trả	-	-
Thương doanh số quý 4	62.140.218	-
Cộng	62.140.218	(4.000.000)

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền cổ tức	295.508.543	-
Kinh phí công đoàn	121.161.821	406.128.500
BHXH, BHYT, BHTN	(25.230.877)	-
Chi phí cổ phần hóa	63.754.562	63.754.562

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền nhận đặt cọc xe	185.000.000	103.000.000
Kinh phí đăng - Chi bộ Đức Giang	-	8.337.597
Phải trả khác	39.006.575	125.179.278
Cộng	<u>675.200.623</u>	<u>706.399.937</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	6.985.527.533	4.498.960.260	(474.400.000)	11.010.087.793
Quỹ phúc lợi	3.236.142.446	4.498.960.259	(4.548.926.096)	3.186.176.609
Cộng	<u>10.221.669.979</u>	<u>8.997.920.519</u>	<u>(5.023.326.096)</u>	<u>14.196.264.402</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Hoàng Thám, quận Long Biên, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 Báo thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
						phần phải	Cộng
Số đầu năm trước	230.000.000,000	1.072.000,000	(640,000)	25.858.024,423	10.919.206,545	143.100.485,876	400.949.076,844
Tăng vốn trong năm	114.993.660,000	-	(1.990,000)	-	-	-	114.991.670,000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	149.965.341,976	149.965.341,976
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	8.178.570,309	8.178.570,309	(27.646.651,451)	(11.289.510,833)
Tăng khác	-	-	-	1.475.226,463	-	-	1.475.226,463
Giảm do trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	(114.991.670,000)	(114.991.670,000)
Số dư cuối năm trước	334.993.660,000	1.072.000,000	(2.630,000)	35.511.821,195	19.097.776,854	150.427.506,401	541.100.134,450
Số dư đầu năm nay	334.993.660,000	1.072.000,000	(2.630,000)	35.511.821,195	19.097.776,854	150.427.506,401	541.100.134,450
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	28.107.591,852	28.107.591,852
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	7.498.267,099	7.498.267,099	(23.994.454,717)	18.997.920,519
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(125.970.887,259)	(125.970.887,259)
Số dư cuối kỳ này	334.993.660,000	1.072.000,000	(2.630,000)	43.010.088,294	26.596.043,953	28.569.756,277	434.238.918,524

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cao năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	66.703.010.000	66.703.010.000
Các cổ đông khác	268.290.650.000	268.290.650.000
Cổ phiếu quỹ	(2.630.000)	(2.630.000)
Cộng	<u>334.991.030.000</u>	<u>334.991.030.000</u>

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Trả cổ tức năm trước	125.970.887.259
Cộng	<u>125.970.887.259</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	33.499.366	33.499.366
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.499.366	33.499.366
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(263)	(263)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.499.103	33.499.103
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 4**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	376.769.828.451	302.399.836.064
- <i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	355.374.946.812	284.244.100.884
- <i>Doanh thu thuê kho</i>	4.426.933.041	4.541.341.819
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	16.967.946.598	13.614.393.361
Các khoản giảm trừ doanh thu:	3.333.900	164.164.912
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	-	41.774.307
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	3.333.900	122.390.605
Doanh thu thuần	376.766.494.551	302.235.671.152

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã cung cấp	294.714.257.695	248.609.570.914
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.477.906.349	8.273.708.469
Cộng	307.192.164.044	256.883.279.383

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi tiền cho vay	2.544.227.170	1.579.042.100
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.726.963	37.725.836
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	135.391.138.552
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	572.560.026	128.594.204
Cộng	3.128.514.159	137.136.500.692

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	208.107.045	55.517.923
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	408.377.399	785.292.705
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	6.730.301.048
Cộng	616.484.444	7.571.111.676

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.332.983.806	6.265.912.754
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	369.686.843	488.727.589
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	87.905.434
Chi phí khấu hao TSCĐ	581.465.779	1.285.712.729
Chi phí ngân hàng	500.708.305	99.870.486

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính quý 4

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.770.479.442	8.104.254.150
Chi phí bằng tiền khác	6.033.293.211	6.314.346.192
Cộng	25.589.117.386	22.746.729.334
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.492.047.773	6.035.421.766
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	29.133.485	279.247.287
Chi phí đồ dùng văn phòng	21.916.000	61.461.789
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.178.569.192	545.600.184
Thuế, phí và lệ phí	1.570.659.388	1.513.626.117
Chi phí dự phòng	43.742.031	237.499.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	701.665.108	1.570.659.388
Chi phí bằng tiền khác	483.658.134	830.834.466
Cộng	10.521.391.111	11.074.350.046
7. Thu nhập khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	294.154.545	-
Hoàn nhập quỹ DP trợ cấp MVL	-	29.866.100
Thu nhập khác	291.520	6.846.496
Thu nhập từ phạt hợp đồng	-	15.248.531.865
Cộng	294.446.065	15.285.244.461
8. Chi phí khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự án Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ	-	910.405.000
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	60.515.992	218.347.391
Chi phí khác	7.553.921	186.291.090
Cộng	68.069.913	1.315.043.481
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.	

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 41, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đồng sáng lập
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Công ty con
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vạn Minh	Giám đốc Công ty TNHH Vạn Minh là vợ của Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này
<i>Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</i>	
Trả tiền cổ tức	18.412.870.190
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai (DLC)</i>	
Mua hàng	43.216.889.700
Thuế GTGT đầu vào	4.321.688.970
Bán hàng và cung cấp dịch vụ vận chuyển	3.358.976.737
Thuế GTGT đầu ra	335.897.674
Chuyển trả tiền hàng cho DLC	43.362.000.000
Nộp hệ DLC tiền bảo hiểm	52.373.589
<i>Công ty CP Hóa chất và phân bón Lào Cai (LFC)</i>	
Phải thu tiền bảo hiểm nộp hộ	43.953.000
Bán hàng và cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.531.697.675
Thuế GTGT đầu ra	153.169.767
Giá trị hàng mua vào	365.108.400
Thuế GTGT hàng mua vào	36.510.840
LFC vay	22.916.500.000
Lãi vay phải thu	793.409.719
Trả LFC tiền hàng, tiền vay	5.759.250.885
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ</i>	
Cho vay	1.650.000.000
Lãi cho vay	139.522.215
Phải thu bảo hiểm nộp hộ	7.848.750
<i>Công ty TNHH Vạn Minh</i>	
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.860.558.213
Thuế GTGT đầu ra	1.286.055.828
Thu tiền hàng	1.990.952.925
Giá trị hàng mua vào	12.029.855.152
Thuế GTGT hàng mua vào	1.180.079.673
Phải thu tiền ăn ca chi hộ	7.308.000
Thu tiền ăn ca chi hộ	6.615.000

Báo thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính quý 4

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cao năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>
<i>Phải trả tiền hàng</i>	
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai (DLC)</i>	37.160.795,683
Công nợ phải thu khác	
<i>Công ty CP Hóa chất Phân bón Lào Cai (LFC)</i>	65.007.804,669
Công nợ phải thu khác	
<i>Công ty Cổ phần Hóa Chất Đức Giang - Đình Vũ</i>	11.940.616,051
Công ty TNHH Văn Minh	
Phải thu tiền ăn ca chi hộ	37.039,680
Phải trả tiền hàng	498.019,554

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau, do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất bột giặt và hóa chất
- Lĩnh vực 2: Cung cấp dịch vụ: dịch vụ vận chuyển, cho thuê kho.

.....

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực sản xuất bột giặt và hóa chất</u>	<u>Lĩnh vực ngoài sản xuất</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	108.625.745,380	6.208.015,514	(665,442)	114.833.095,452
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.625.745,380	6.208.015,514	(665,442)	114.833.095,452
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.182.812,743	2.549.144,190	(665,442)	23.731.291,491
Các chi phí không phân bổ theo bộ				

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thành, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất bột giặt và hóa chất	Lĩnh vực ngoài sản xuất	Các khoản loại trừ	Cộng
phần				10.120.530.273
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				13.810.761.518
Doanh thu hoạt động tài chính				1.656.051.132
Chi phí tài chính				(237.829.698)
Thu nhập khác				233.454.545
Chi phí khác				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.357.736.249)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN				11.904.701.248
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	1.351.070.181	-	-	1,351,070,181
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	784.955.853	423.912.639	-	1,208,868,492

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất bột giặt và hóa chất	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	60.071.129.683	17.062.518.447	-	77.133.648.130
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				432.857.817.216
Tổng tài sản				509.839.858.935
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	9.259.294.864	-	-	9.259.294.864
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				66.423.019.983
Tổng nợ phải trả				75.682.314.847

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Kỳ này
Miền Bắc	90.695.355.718

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

	Kỳ này
Miền Trung	5.552.200.845
Miền Nam	18.586.204.329
Cộng	114.833.760.892

Các chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận chỉ có tại khu vực miền Bắc

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty liên kết vay tiền. Các đơn vị đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
---	--------------------------------------	---------------------------------------	--------------------------------------	------

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.572.562.110	-	-	-	3.572.562.110
Phải thu khách hàng	16.511.251.439	-	-	656.783.442	17.168.034.881
Các khoản cho vay	76.948.420.720	-	-	-	76.948.420.720
Các khoản phải thu khác	6.401.311.119	-	-	-	6.462.468.366
Cộng	103.433.545.388	-	-	656.783.442	104.090.328.830
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.316.753.241	-	-	-	2.316.753.241
Phải thu khách hàng	6.866.682.346	-	-	633.669.323	7.500.351.669
Các khoản cho vay	34.104.478.576	-	-	-	34.104.478.576
Các khoản phải thu khác	273.936.399.804	-	-	-	273.936.399.804
Cộng	317.224.313.967	-	-	633.669.323	317.857.983.290

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	44.861.691.972	-	-	44.861.691.972
Các khoản phải trả khác	641.409.897	-	-	641.409.897
Cộng	45.503.101.869	-	-	45.503.101.869
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	12.012.054.921	-	-	12.012.054.921
Các khoản phải trả khác	287.933.840	-	-	287.933.840
Cộng	12.299.988.761	-	-	12.299.988.761

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không thế chấp tài sản nào cho đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 (tiếp theo)**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.572.562.110	-	2.316.753.241	-	3.572.562.110	2.316.753.241
Phải thu khách hàng	17.168.034.881	(500.517.711)	7.500.351.669	(456.775.680)	17.168.034.881	7.043.575.989
Các khoản cho vay	76.948.420.720	-	34.104.478.576	-	76.948.420.720	34.104.478.576
Các khoản phải thu khác	6.401.311.119	-	273.936.399.804	-	6.401.311.119	273.936.399.804
Cộng	103.433.545.388	(500.517.711)	317.857.983.290	(456.775.680)	103.433.545.388	317.401.207.610

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Vay và nợ						
Phải trả người bán	44.784.906.096	-	12.012.054.921	-	44.784.906.096	12.012.054.921
Các khoản phải trả khác	653.409.897	-	287.933.840	-	653.409.897	287.933.840
Cộng	45.438.315.993	-	12.299.988.761	-	45.438.315.993	12.299.988.761

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác, được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Hà Nội, Ngày 15 tháng 1 năm 2015

Người lập biểu

Hoàng Thúy Hà

Kế toán trưởng

Đào Thị Mai

